TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2019/QĐST-HNGĐ	*TD, ngày 16 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 246/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996.

Địa chỉ cư trú: Thôn LK xã HL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1999.

Địa chỉ cư trú: Thôn AP, xã QS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 chị H đã chuyển khẩu và về cư trú tại thôn AM, xã QS, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Đ, chị H có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Trần Thị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 13/9/2016. Anh Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu A thành niên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn Đ không thanh toán số tiền cấp dưỡng định kỳ

hàng tháng nêu trên thì anh Đ phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002914 ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TD.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã HL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc